

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

BẢNG MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN RÚT GỌN

(Kèm theo Quyết định số 1773/QĐ-ĐHM ngày 25 tháng 6 năm 2026

của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

Issued together with Decision No.1773/QĐ-ĐHM dated 25 month 6 year 2026

by the Rector of Ho Chi Minh City Open University)

I. Thông tin tổng quát-General information

1. Tên ngành đào tạo bằng tiếng Việt/Major in Vietnamese: **Luật Kinh tế**
2. Tên ngành đào tạo bằng tiếng Anh/Major in English: Business Law
3. Mã ngành/Major Code: **7380107**
4. Trình độ đào tạo/Level of training: Đại học-Undergraduate
5. Hình thức đào tạo/Mode of training: Chính quy-Full time
6. Thời gian đào tạo /Duration of training:
 - Thời gian đào tạo chuẩn: 11 học kỳ
 - Thời gian học tập tối thiểu: 09 học kỳ
 - Thời gian học tập tối đa: 22 học kỳ

(Chương trình đào tạo được tổ chức 3 học kỳ/năm học)
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ)/Total credits: 149 tín chỉ
(Chưa bao gồm tín chỉ khối kiến thức GDQPAN và GDTC)
8. Văn bằng tốt nghiệp/Name of degree: Cử nhân
9. Ngôn ngữ đào tạo/Language(s) of instruction: Tiếng Việt – Tiếng Anh

II. Mục tiêu đào tạo/Programme Objectives

Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng ứng dụng với mục tiêu đào tạo Cử nhân ngành Luật Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức

chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật, có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Pháp luật, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ Nhân dân.

Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể/ Specific objectives	Mô tả /Description
Kiến thức/Knowledge	
PO.1	Trang bị kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc và con người để phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.
PO.2	Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn thuộc ngành Luật Kinh tế để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
Kỹ năng/Skills	
PO.3	Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc ngành Luật Kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.
Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability	
PO.4	Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm, có tinh thần đổi mới, sáng tạo, thích nghi với điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật Kinh tế và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.
PO.5	Xây dựng ý thức chính trị, tôn trọng và tuân thủ pháp luật, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

III. Chuẩn đầu ra – Programme learning outcomes (PLOs)

Chuẩn đầu ra/ PLO Code	Mô tả/Description
Kiến thức/Knowledge	
PLO1	Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc để làm nền tảng phát triển tư duy phản biện
PLO2	Hiểu được các vấn đề xã hội dựa trên tư tưởng chính trị trong các hoạt động học tập và thực hành

Handwritten signature

Chuẩn đầu ra/ PLO Code	Mô tả/Description
PLO3	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực cơ sở ngành luật nhằm giải quyết các vấn đề chuyên môn nền tảng của ngành luật kinh tế
PLO4	Áp dụng kiến thức cốt lõi ngành luật để giải quyết vấn đề thực tiễn bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh ở các nhóm lĩnh vực: luật hành chính; luật dân sự; luật kinh tế; luật hình sự; luật quốc tế
PLO5	Áp dụng các kiến thức cốt lõi ngành Luật Kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh theo định hướng của người học
Kỹ năng/Skills	
PLO6	Kỹ năng giao tiếp, tương tác thân thiện, hiệu quả bằng lời nói hoặc bằng văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý; biết soạn thảo các văn bản pháp lý bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh
PLO7	Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, phản biện, phát hiện vấn đề và giải quyết các vấn đề pháp lý
PLO8	Năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
PLO9	Có khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn; ứng dụng hiệu quả CNTT phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành
Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability	
PLO10	Có khả năng làm việc bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh và chịu trách nhiệm cá nhân hoặc theo nhóm; dẫn dắt, chủ trì, hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; sáng tạo; thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi
PLO11	Trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; có ý thức phục vụ Nhân dân và cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; trung thực, liêm chính, cần trọng, cầu thị, thấu hiểu; có đạo đức nghề luật



IV. Nội dung chương trình/Programme contents

1. Cấu trúc chương trình – Curriculum structure

STT No.	Cấu trúc CTĐT/ Curriculum structure	Số tín chỉ/Number of credits			Tỷ lệ/ Ratio
		Tổng số/ Total	Bắt buộc/ Compulsory	Tự chọn/ Optional	
	Thành phần giáo dục đại cương	53	47	6	35,57%
	<i>Lý luận chính trị</i>	11	11		
	<i>Kiến thức kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn</i>	6	3	3	
	<i>Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên</i>	6	3	3	
	<i>Ngoại ngữ</i>	30	30		
	Thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành	89	73	16	59,73%
	<i>Thành phần cơ sở ngành</i>	26	26		
	<i>Thành phần cốt lõi ngành</i>	63	47	16	
	Thành phần thực tập và trải nghiệm	7	7	0	4,70%
	<i>Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế</i>	3	3		
	<i>Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế</i>	4	4		
	Tổng cộng	149	127	22	100%

2. Nội dung chương trình-Programme contents

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
1.	Thành phần giáo dục đại cương		53		
a.	<i>Lý luận chính trị</i>		11		

Th

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
1	Triết học Mác - Lênin Marxist - Leninist Philosophy	POLI23010	3	Thuyết giảng, nêu vấn đề, đối thoại, thảo luận, thuyết trình nhóm.	A1.1. Thái độ học tập; A1.2. Thuyết trình nhóm; A1.3. Bài kiểm tra giữa kỳ tại lớp; A2.1. Bài thi kết thúc môn học
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Marxist - Leninist Political Economics	POLI22010	2	Giảng bài và kết hợp trình chiếu các slides bài giảng. Hướng dẫn, giao bài tập và đề tài theo nhóm. Tổ chức thuyết trình và thảo luận nhóm. Giải đáp những thắc mắc liên quan đến bài học mà sinh viên nêu ra.	A.1.1. Thái độ học tập A1.2. Thuyết trình nhóm A1.3. Bài kiểm tra giữa kỳ tại lớp: Trắc nghiệm A2.1. Bài thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm trên máy tính
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	POLI22020	2	Thuyết giảng, nêu vấn đề, đối thoại, thảo luận, thuyết trình nhóm.	A1.1. Thái độ học tập; A1.2. Thuyết trình nhóm; A1.3. Bài kiểm tra giữa kỳ tại lớp; A2.1. Bài thi kết thúc môn học
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	POLI22030	2	Thuyết giảng, trình chiếu, thảo luận nhóm, thuyết trình	A1.1. Thái độ học tập A1.2. Thuyết trình nhóm A1.3. Bài kiểm tra giữa kỳ tại lớp



STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					A2.1. Bài thi kết thúc môn học
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI22040	2	Giảng viên thuyết giảng, nêu vấn đề, đối thoại, thảo luận, thuyết trình nhóm. Dạy và học trực tiếp tại lớp	Bài đánh giá quá trình: - Chuyên cần - Thuyết trình/thảo luận nhóm - Giữa kỳ: Hình thức trắc nghiệm 40 câu hỏi, 60 phút. Được dùng tài liệu - Bảo tàng Bài đánh giá cuối kỳ: - Trắc nghiệm: 40 câu hỏi. - Thời gian 60 phút. Được dùng tài liệu
b.	Kiến thức kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn		6		
	Bắt buộc				
6	Kinh tế học đại cương Economics	ECON23320	3	Giảng viên thuyết giảng, cho sinh viên thảo luận, thực hành	Quá trình: bài tập nhóm, bài tập cá nhân trên LMS, kiểm tra tự luận giữa kỳ. Cuối kỳ: trắc nghiệm
	Tự chọn Chọn 01 trong các môn học sau:				
7	Xã hội học đại cương Introduction to Sociology	SOCI23020	3	GV diễn giảng, SV thuyết trình nhóm, thảo luận nhóm	Quá trình: - Chuyên cần

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					- Thuyết trình nhóm Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận + trắc nghiệm
8	Tâm lý học đại cương Introduction to Psychology	PSYC23010	3	Thuyết giảng Thảo luận nhóm Thuyết trình Tình huống	Quá trình: - Bài tập nhóm/ cá nhân/ báo cáo TQTT - Bài tập nhóm/ thuyết trình nhóm Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận + trắc nghiệm
9	Đại cương văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese Culture	SOAS23010	3	GV thuyết giảng SV làm bài tập nhóm, xem phim thảo luận	Quá trình: - Bài tập cá nhân trên LMS và bài tập nhóm - Thuyết trình nhóm Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận + trắc nghiệm
c.	Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên		6		
	Bắt buộc				
10	Tin học văn phòng nâng cao Advanced Office Informatics	ADOI23010	3	Thuyết trình, minh họa trực tiếp tại lớp và trên lớp học ảo (Google Meet), kết hợp với việc sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS) để cung cấp bài giảng video, tài liệu học	Bài đánh giá A1.1: Chuyên cần Hình thức: Điểm danh bằng công cụ Attendance trên LMS hoặc đánh dấu có mặt trong Danh sách Điểm danh. Bài đánh giá A1.2: Bài kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ Hình thức: Trắc nghiệm tại lớp. Bài

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
				tập và thảo luận.	đánh giá A1.3: Thảo luận trên LMS Hình thức: Thảo luận trên LMS. Bài đánh giá A2: Bài kiểm tra thực hành trên máy tính Hình thức: Thực hành trên máy tính
	Tự chọn Chọn 01 trong các môn học sau:		3		
11	Tư duy phản biện Critical thinking	GLAW23010	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Đóng vai Làm việc nhóm Tranh biện Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài báo cáo nhóm - Bài kiểm tra trực tuyến trên LMS Cuối kỳ: Bài báo cáo nhóm – thuyết trình nhóm
12	Thống kê xã hội Statistics in Social Sciences	SOCI23010	3	GV diễn giảng, SV làm bài tập cá nhân	Quá trình: - Chuyên cần - Thi giữa kỳ: Bài tập nhóm Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
13	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	ACCO23010	3	Giảng viên diễn giảng Thực hành giải quyết tình huống Thảo luận/ thuyết trình nhóm	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập thực hành - Bài tự luận Cuối kỳ: Bài kiểm tra trắc nghiệm
d.	Tiếng Anh		30		
14	Tiếng Anh nâng cao 1	GEEN23060	3	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/	A.1.1 Tham gia hoạt động nghe

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
	Academic English 1			nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) A.3.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.3.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.3.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
15	Tiếng Anh nâng cao 2 Academic English 2	GEEN23070	3	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) A.3.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.3.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.3.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
16	Tiếng Anh nâng cao 3 Academic English 3	GEEN23080	3	GV diễn giảng, SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	A.1.1 Tham gia nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN)

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) A.3.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.3.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.3.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
17	Tiếng Anh nâng cao 4 Academic English 4	GEEN23090	3	GV diễn giảng, SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	A.1.1 Tham gia nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) A.3.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.3.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.3.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
18	Tiếng Anh nâng cao 5 Academic English 5	GEEN23100	3	GV diễn giảng, SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) A.3.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.3.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					A.3.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
19	Tiếng Anh nâng cao 6 Academic English 6	GEEN23110	3	GV diễn giảng, SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) A.3.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.3.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.3.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
20	Tiếng Anh nâng cao 7 Academic English 7	GEEN23120	3	GV diễn giảng, SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) A.3.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.3.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.3.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
21	Tiếng Anh nâng cao 8 Academic English 8	GEEN23130	3	GV diễn giảng, SV thảo luận cặp/nhóm và	A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp

7

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
				thuyết trình, GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	(GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) A.3.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.3.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.3.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
22	Tiếng Anh nâng cao 9 Academic English 9	GEEN23140	3	GV diễn giảng, SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) A.3.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.3.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.3.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
23	Tiếng Anh nâng cao 10 Academic English 10	GEEN23150	3	GV diễn giảng, SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN)



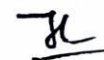
STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) A.3.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.3.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.3.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
2.	Thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành		89		
2.1	Thành phần cơ sở ngành		26		
	Kiến thức bắt buộc		26		
24	Lý luận nhà nước và pháp luật Theories of State and Law	GLAW23020	3	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Diễn đàn LMS/ Thuyết trình nhóm - Thảo luận/ kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
25	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị-pháp lý History of State, Law, and Political-Legal Doctrines	GLAW23250	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập theo nhóm, bài kiểm tra cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
26	Nghề luật và đạo đức nghề luật Legal Profession and Ethics	GLAW22190	2	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Thảo luận trên LMS/ tại lớp - Bài kiểm tra giữa kỳ/ Thuyết trình nhóm

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
27	Lập luận và viết pháp lý Legal Reasoning and Writing	GLAW23040	3	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra trực tuyến trên LMS (trắc nghiệm/ thảo luận diễn đàn) Cuối kỳ: Bài báo cáo nhóm – thuyết trình nhóm
28	Luật hiến pháp Constitutional Law	GLAW23050	3	Thuyết giảng Bài tập Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Hoạt động LMS/ Thuyết trình nhóm - Thảo luận tại lớp/ Làm bài kiểm tra Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
29	Luật hình sự Criminal Law	GLAW23100	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Hoạt động LMS - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
30	Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế General Provisions on Civil Law, Property and Succession	GLAW23110	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Thuyết trình	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài tập cá nhân



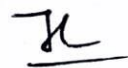
STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
				Làm việc nhóm Thảo luận	Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
31	Công pháp quốc tế Public International Law	GLAW33170	3	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm/ thuyết trình nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra cuối kỳ
32	Pháp luật về các loại hình thương nhân Law on Business Organisations	BULA33030	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Giữa kỳ: - Diễn đàn LMS - Thuyết trình nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
2.2	Thành phần cốt lõi ngành		63		
	Kiến thức bắt buộc		47		
a.	Kiến thức về pháp luật hành chính		15		
33	Lý luận và pháp luật về quyền con người Theories and Law on Human Rights	GLAW22200	2	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm/ thuyết trình nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra cuối kỳ
34	Luật hành chính Administrative Law	GLAW23060	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống	Quá trình: - Chuyên cần

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
				Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	- Thuyết trình – phản biện nhóm - Bài kiểm tra cá nhân trên LMS Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
35	Luật tổ tụng hành chính Administrative Procedure Law	GLAW22030	2	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập cá nhân trên LMS - Bài tập nhóm Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
36	Luật ngân sách nhà nước State Budget Law	GLAW22040	2	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Thuyết trình – phản biện nhóm - Bài kiểm tra cá nhân trên LMS (tự luận/ trắc nghiệm) Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
37	Luật đất đai Land Law	GLAW23070	3	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
38	Kỹ năng soạn thảo văn bản Drafting legal documents	GLAW23080	3	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập trên LMS/ tại lớp

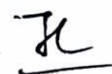


STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					- Bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
b.	Kiến thức về pháp luật hình sự, tổ tụng hình sự		4		
39	Luật tổ tụng hình sự Criminal Procedure Law	GLAW22050	2	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Hoạt động LMS - Bài tập nhóm - Kiểm tra quá trình Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
40	Tội phạm học Criminology	GLAW22050	2	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Hoạt động LMS -Thuyết trình/ kiểm tra tự luận Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
c.	Kiến thức về pháp luật dân sự, tổ tụng dân sự		11		
41	Nghĩa vụ và hợp đồng Obligations and Contracts	GLAW23120	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Đóng vai Làm việc nhóm Tranh biện Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập LMS -Thuyết trình nhóm Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
42	Luật tổ tụng dân sự Civil Procedure Law	GLAW23130	3	Thuyết giảng Bài tập	Quá trình: - Chuyên cần

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
				Tình huống Đóng vai Làm việc nhóm Tranh biện Thảo luận	- Bài tập trên LMS - Bài tập giữa kỳ trên LMS Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
43	Luật lao động Labour Law	GLAW23140	3	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài báo cáo/ bài tập nhóm - Bài kiểm tra cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
44	Luật hôn nhân và gia đình Marriage and Family Law	GLAW22060	2	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập trên LMS - Bài tập nhóm Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
d.	Kiến thức về pháp luật kinh tế		11		
45	Pháp luật về hoạt động thương mại Law on Business Activities	BULA33040	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm/ Thuyết trình - Bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
46	Phá sản và giải quyết tranh chấp Law on Bankruptcy and Dispute Settlement	BULA32010	2	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm

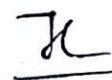


STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					- Bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
47	Luật sở hữu trí tuệ Law on Intellectual Property	BULA23030	3	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập trên LMS - Bài tập giữa kỳ trên LMS Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
48	Luật thuế Tax Law	BULA23040	3	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập cá nhân, diễn đàn và thuyết trình - Bài kiểm tra cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
e.	Kiến thức về pháp luật quốc tế		6		
49	Luật thương mại quốc tế International Commercial Law	BULA33050	3	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm/ Thuyết trình - Bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
50	Tư pháp quốc tế Private International Law	GLAW33180	3	Thuyết giảng Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài kiểm tra giữa kỳ



STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
	Kiến thức tự chọn		16		
	<i>Chọn đủ 03 nhóm kiến thức như sau:</i>				
a.	Kiến thức cốt lõi ngành		8		
51	Luật môi trường Environmental Law	GLAW22080	2	Thuyết giảng Thảo luận Tình huống Làm việc nhóm	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận
52	Luật thi hành án dân sự Law on Enforcement of Civil Judgments	GLAW22130	2	Thuyết giảng Thảo luận Tình huống Làm việc nhóm	Quá trình: - Chuyên cần - Bài báo cáo nhóm - Bài kiểm tra cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
53	Pháp luật về giao dịch bảo đảm Law on Secured Transactions	GLAW22970	2	Thuyết giảng Thảo luận Tình huống Làm việc nhóm	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra trực tuyến trên LMS Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
54	Luật ngân hàng Banking Law	BULA22020	2	Thuyết giảng Thảo luận Tình huống Làm việc nhóm	Quá trình: - Chuyên cần - Thuyết trình nhóm - Bài kiểm tra trực tuyến trên LMS

STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
55	Luật đầu tư Investment Law	BULA32030	2	Thuyết giảng Thuyết trình Làm việc nhóm Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
56	Luật cạnh tranh Competition Law	BULA22040	2	Thuyết giảng Thảo luận Tình huống Làm việc nhóm	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra trực tuyến trên LMS Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
57	Luật kinh doanh bảo hiểm Law on Insurance Business	BULA22050	2	Thuyết giảng Thảo luận Tình huống Làm việc nhóm	Quá trình: - Chuyên cần - Bài báo cáo nhóm/ bài kiểm tra trắc nghiệm Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
58	Luật kinh doanh bất động sản Law on Real Estate Business	BULA22060	2	Thuyết giảng Thảo luận Tình huống Làm việc nhóm	Quá trình: - Chuyên cần - Bài kiểm tra nhóm - Bài kiểm tra cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
59	Pháp luật về xuất nhập khẩu Import & Export Law	BULA22070	2	Thuyết giảng Thảo luận Tình huống	Quá trình: - Chuyên cần



STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
				Làm việc nhóm	- Bài tập cá nhân/ Bài tập nhóm Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
60	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Law on Securities and Stock Exchanges	BULA22080	2	Thuyết giảng Thảo luận Tình huống Thuyết trình Làm việc nhóm	Quá trình: - Chuyên cần - Thuyết trình nhóm - Bài kiểm tra trực tuyến trên LMS Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
61	Luật thương mại điện tử Law on E-commerce	BULA22090	2	Thuyết giảng Thảo luận Tình huống Thuyết trình Làm việc nhóm	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm/ Thuyết trình nhóm - Bài tập cá nhân tại lớp, LMS Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
62	Luật học so sánh Comparative Law	GLAW22960	2	Thuyết giảng Bài tập Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài tập cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
b.	Các môn kỹ năng		2		
63	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng Contract Drafting Skills	GLAW32160	2	Thuyết giảng Bài tập Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài tập cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận



STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
64	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh English Legal Terms	BULA32110	2	Thuyết giảng Bài tập Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài tập cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
c.	Khóa luận tốt nghiệp hoặc kiến thức thay thế Khóa luận tốt nghiệp		6		
65	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế BA thesis (Business Law)	BULA26010	6	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: Thái độ Cuối kỳ: Khóa luận
	hoặc kiến thức thay thế Khóa luận tốt nghiệp, bao gồm 02 môn học như sau:				
	Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế Legal Consulting Skills (Business Law)	BULA23080	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài báo cáo/ bài tập nhóm - Bài kiểm tra cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận
	Phân tích án ngành Luật Kinh tế Case Analysis (Business Law)	BULA23110	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần - Bài tập nhóm - Bài kiểm tra trực tuyến Cuối kỳ: Báo cáo nhóm/ Thuyết trình nhóm
3. Thành phần thực tập, trải nghiệm			7		
66	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA23120	3	Thảo luận	Quá trình:

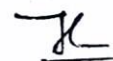
STT / No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
	Practice Training (Business Law)			Trải nghiệm thực tế	- Chuyên cần - Đánh giá của đơn vị Cuối kỳ: Báo cáo
67	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế Internship (Business Law)	BULA24010	4	Thuyết giảng Thảo luận Trải nghiệm thực tế	Quá trình: - Chuyên cần - Đánh giá của cơ sở thực tập Cuối kỳ: báo cáo thực tập
Tổng cộng			149		

3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ môn học, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc và tự chọn khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Sinh viên phải tham gia nghiên cứu khoa học theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học với giảng viên
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa.
- Đáp ứng các điều kiện chuẩn đầu ra theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học.

4. Mô tả môn học/Course overview (*Mô tả môn học theo thứ tự của cấu trúc chương trình đào tạo*)



Môn học/Course Name: **Triết học Mác-Lênin**

Mã môn học/Course Code: POLI23010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Triết học Mác-Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin – môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Triết học Mác-Lênin là những nguyên lý triết học cơ bản do C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin viết nên trên cơ sở kế thừa sáng tạo và phát triển tinh hoa triết học nhân loại, tổng kết thực tiễn và trí tuệ thời đại; là thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng, cách mạng; là những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển của thế giới nói chung và sự vận động và phát triển của xã hội nói riêng.

Ý nghĩa – phương pháp luận sâu sắc được rút ra từ việc nghiên cứu Triết học Mác-Lênin có giá trị định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

Môn học/Course Name: **Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

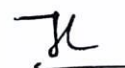
Mã môn học/Course Code: POLI22010

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Kinh tế Chính trị Mác – Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin – môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể như sau: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh



viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường; qua đó, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin.

Môn học/Course Name: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã môn học/Course Code: POLI22020

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, là kết quả của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác – Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở kiến thức của môn học, sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học vào nhận thức, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở nước ta hiện nay. Qua đó, giáo dục cho sinh viên niềm tin khoa học, lập trường chính trị, tư tưởng và thái độ đúng đắn, khách quan về môn học CNXH khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung.

Môn học/Course Name: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: POLI22030

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ 1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các

JK

hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Môn học/Course Name: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Mã môn học/Course Code: POLI22040

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp, nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam; nâng cao được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

Môn học/Course Name: **Kinh tế học đại cương**

Mã môn học/Course Code: ECON23320

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Kinh tế học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô (cơ chế vận hành trong nền kinh tế thị trường; các mô hình ra quyết định của các tác nhân riêng lẻ trong nền kinh tế: người tiêu dùng và nhà sản xuất;...) và các công cụ cần thiết để phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô (sản lượng, lạm phát, thất nghiệp,...).

Môn học/Course Name: **Xã hội học đại cương**

Mã môn học/Course Code: SOCI23020

Số tín chỉ/Credits: 03

K

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp một số khái niệm cơ bản của xã hội học. Đây là môn học nền tảng để sinh viên có thể học các môn tiếp theo như Lịch sử XHH và các lý thuyết xã hội học hiện đại, Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội...

Cung cấp những khái niệm căn bản của xã hội học, giới thiệu một số chủ đề, lý thuyết, phương pháp cơ bản của xã hội học. Đồng thời sinh viên thực tập phân tích một số vấn đề xã hội bằng cách vận dụng các lý thuyết, khái niệm đã học.

Sau khi học xong môn này, sinh viên có hiểu biết ban đầu về các lối tiếp cận lý thuyết xã hội học và đặc điểm của lối nhìn xã hội học; về phương pháp xã hội học; hiểu biết về các yếu tố cấu thành xã hội và văn hóa; hiểu được các yếu tố cấu thành nhân cách; hiểu các loại hình tổ chức xã hội và định chế xã hội; hiểu sự phân tầng xã hội; hiểu biết về hiện tượng lệch lạc xã hội; biết được các loại hình hành vi tập thể và các phong trào xã hội và cuối cùng hiểu biết về biến chuyển xã hội và quá trình hiện đại hóa.

Môn học/Course Name: **Tâm lý học đại cương**

Mã môn học/Course Code: PSYC23010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tâm lý học đại cương là môn học nền tảng cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý cho sinh viên ngành Tâm lý học nói riêng và sinh viên các ngành khác nói chung. Môn này sẽ giúp sinh viên hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học đại cương; bản chất của các hiện tượng tâm lý; các khái niệm, đặc điểm và quy luật cơ bản của các hiện tượng tâm lý; cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Đây là môn học tiền đề trước khi sinh viên tiếp cận với khối kiến thức chuyên ngành.

Môn học/Course Name: **Đại cương văn hóa Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: SOAS23010

Số tín chỉ/Credits: 03

κ

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hoá Việt Nam. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn các giá trị văn hoá của Việt Nam. Nhìn lại bản sắc và tính cách văn hóa của dân tộc để bảo tồn, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Môn học/Course Name: **Tin học văn phòng nâng cao**

Mã môn học/Course Code: ADOI23010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng sử dụng bộ công cụ văn phòng Microsoft 365 ở cấp độ nâng cao để học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường số. Bên cạnh đó, môn học giới thiệu với người học các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm giúp người học tiếp tục phát triển năng lực số, cải thiện hiệu quả và hiệu suất trong xử lý công việc.

Môn học/Course Name: **Tư duy phản biện**

Mã môn học/Course Code: GLAW23010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Tư duy phản biện được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên rèn luyện sự nhạy bén, linh hoạt trong việc phát hiện, nhận diện và kết luận vấn đề thông qua các hoạt động bao gồm thu thập luận cứ, nghiên cứu các quy định, phân tích lập luận, đánh giá các quy định so với tình huống cụ thể kèm các minh chứng, và đưa ra các phán đoán một cách đúng đắn, rõ ràng, khách quan, sáng tạo và hợp lý. Trên cơ sở này, sinh viên có thể nói, viết rõ ràng, đúng trọng tâm với tư duy mạch lạc, phân biệt đúng sai, tránh những sai lầm, thiếu sót, cải thiện chất lượng tư duy để ứng dụng trong cuộc sống, học tập, làm việc trong mọi ngành nghề và các lĩnh vực khác nhau. Trong suốt thời gian học tập, sinh viên sẽ vận dụng những khái niệm, nguyên lý, quy tắc, quy luật, tư duy logic và rèn luyện những kỹ năng tư duy phản biện để phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết, và ra quyết định những vấn đề của bản thân hoặc xã hội quan tâm.

Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau:

- Những vấn đề chung về tư duy phản biện
- Tư duy logic - cơ sở và tiêu chuẩn của tư duy phản biện
- Những quy luật căn bản của tư duy
- Chứng minh - bác bỏ - ngụy biện
- Rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện

Môn học này được thiết kế 45 giờ lý thuyết (3 tín chỉ), thông thường được bố trí vào năm học thứ nhất dành cho sinh viên ngành Luật Kinh tế, ngành Luật và các ngành học khác thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

Môn học/Course Name: **Thống kê xã hội**

Mã môn học/Course Code: SOCI23010

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Môn Thống kê xã hội là một khối kiến thức nền tảng cho khối ngành khoa học xã hội nói chung và xã hội học nói riêng, sẽ được học trong học kỳ thứ ba trong chương trình. Trong loại hình nghiên cứu định lượng, người học bắt buộc phải có kiến thức thống kê để có thể phân tích được các dữ liệu sơ cấp thu được thông qua các cuộc điều tra xã hội học hoặc các dữ liệu sơ cấp từ các ngân hàng dữ liệu. Trên nền tảng của Thống kê xã hội, sinh viên sẽ học các môn Phương pháp và Kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội học, các môn xã hội học chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.

Môn học/Course Name: **Nguyên lý kế toán**

Mã môn học/Course Code: ACCO23010

Số tín chỉ/Credits: 03

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Môn học Nguyên lý kế toán cung cấp nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán. Môn học giúp sinh viên nhận biết được cấu trúc, nội dung và ý nghĩa của các báo cáo tài chính, từ đó hiểu rõ những thông tin mà các báo cáo này mang lại cho các đối tượng sử dụng khác nhau như nhà quản trị, nhà đầu tư, cơ quan quản lý hay các bên liên quan. Đồng thời, môn học giúp sinh viên nhận diện và hiểu được quy trình kế toán cũng như các đối tượng kế toán trong doanh nghiệp, bao gồm tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, người học được rèn luyện kỹ năng

K

vận dụng các kỹ thuật kế toán nền tảng như nguyên tắc ghi sổ kép, lập báo cáo và xử lý các nghiệp vụ kinh tế cơ bản phát sinh trong môi trường doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp sản xuất.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 1**

Mã môn học/Course Code: GEEN23060

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh Nâng cao 1 là môn học thứ nhất của 5 cấp độ tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B1. Với môn Tiếng Anh Nâng cao 1 sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ nhất của lộ trình đạt cấp độ B1 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 2**

Mã môn học/Course Code: GEEN23070

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh Nâng cao 2 là môn học thứ hai của 5 cấp độ tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B1. Với môn Tiếng Anh Nâng cao 2 sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ hai của lộ trình đạt cấp độ B1 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 3**

Mã môn học/Course Code: GEEN23080

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh Nâng cao 3 là môn học thứ ba của 5 cấp độ tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B1. Với môn Tiếng Anh Nâng cao 3 sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ ba của lộ trình đạt cấp độ B1 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 4**

Mã môn học/Course Code: GEEN23090

Số tín chỉ/Credits:03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh Nâng cao 4 là môn học thứ tư của 5 cấp độ tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B1. Với môn Tiếng Anh Nâng cao 4 sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ tư của lộ trình đạt cấp độ B1 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 5**

Mã môn học/Course Code: GEEN23100

Số tín chỉ/Credits:03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh Nâng cao 5 là môn học cuối dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B1. Với môn Tiếng Anh Nâng cao 5 sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học cuối của lộ trình đạt cấp độ B1 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 6**

Mã môn học/Course Code: GEEN23110

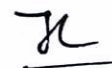
Số tín chỉ/Credits:03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh Nâng cao 6 là môn học thứ nhất của 5 cấp độ tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B2. Với môn này, sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ nhất của lộ trình đạt cấp độ B2 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 7**

Mã môn học/Course Code: GEEN23120

Số tín chỉ/Credits: 03



Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh Nâng cao 7 là môn học thứ hai của 5 cấp độ tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B2. Với môn này, sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ hai của lộ trình đạt cấp độ B2 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 8**

Mã môn học/Course Code: GEEN23130

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 8 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 7. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 9**

Mã môn học/Course Code: GEEN23140

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 9 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 8. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 10**

Mã môn học/Course Code: GEEN23150

Số tín chỉ/Credits: 03

78

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 10 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 9. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Lý luận nhà nước và pháp luật**

Mã môn học/Course Code: GLAW23020

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và bộ máy nhà nước; nguồn gốc, bản chất và kiểu pháp luật; chức năng và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; ý thức pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Lý luận Nhà nước và pháp luật là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học và ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ, với 45 giờ lý thuyết.

Môn học/Course Name: **Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị-pháp lý**

Mã môn học/Course Code: GLAW23250

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học gồm có 02 nội dung chính: Lịch sử Nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị - pháp lý:

1. Các học thuyết chính trị - pháp lý cung cấp các kiến thức cơ bản về một số học thuyết chính trị - pháp lý tiêu biểu trong lịch sử nhân loại.



2. Lịch sử Nhà nước và pháp luật cung cấp những kiến thức nền tảng, cơ bản về Nhà nước và pháp luật điển hình trên thế giới, Nhà nước và pháp luật Việt Nam.

Lịch sử Nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị - pháp lý là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ lý thuyết (tổng số là 45 giờ).

Môn học/Course Name: **Nghề luật và đạo đức nghề luật**

Mã môn học/Course Code: GLAW22190

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức tổng quan về nghề luật, các chức danh hành nghề luật tại Việt Nam (những nghề cơ bản như: luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên, công chứng viên, chấp hành viên và thừa hành viên). Thông qua việc phân tích vị trí pháp lý, chức năng xã hội và chuẩn mực đạo đức của từng nghề, môn học giúp sinh viên nhận diện được vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong việc bảo vệ công lý, quyền con người và niềm tin vào pháp luật.

Nghề luật và đạo đức nghề luật là môn học bắt buộc trong Chương trình đào tạo Cử nhân Luật Kinh tế tại Khoa Luật, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học có 02 tín chỉ, được thiết kế thành 6 chương.

Môn học/Course Name: **Lập luận và viết pháp lý**

Mã môn học/Course Code: GLAW23040

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Lập luận và viết pháp lý cung cấp cho người học các kiến thức về lập luận và viết nhằm phát triển các kỹ năng của người học.

Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau:

- i. Lập luận pháp lý
- ii. Kỹ năng viết pháp lý

Môn học này được thiết kế 45 giờ lý thuyết (3 tín chỉ) dành cho sinh viên ngành Luật Kinh tế chương trình chuẩn và chương trình tiên tiến, ngành Luật.

Môn học/Course Name: **Luật hiến pháp**

Mã môn học/Course Code: GLAW23050

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật Hiến pháp là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật nói chung, bao gồm tất cả các chuyên ngành: Luật Kinh tế, Luật học.

Môn học gồm 2 phần (Phần 1- Khái quát chung về Luật Hiến pháp, Phần 2 giới thiệu Một số chế định của ngành luật Hiến pháp), trang bị kiến thức liên quan đến những nhóm quan hệ pháp luật cơ bản nhất được điều chỉnh bởi Luật Hiến pháp. Những nội dung chính: Ngành luật Hiến pháp và Khoa học luật Hiến pháp; Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam; chế độ chính trị, kinh tế, chế độ bầu cử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quốc tịch Việt Nam. Đặc biệt, môn học giới thiệu tổng quan về bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan hiến định trong bộ máy nhà nước Việt Nam: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương, Hội đồng Bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.

Môn học/Course Name: **Luật hình sự**

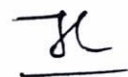
Mã môn học/Course Code: GLAW23100

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật Hình sự (LHS) là ngành luật nội dung quy định về tội phạm và hình phạt, là cơ sở pháp lý cho việc xác định tội phạm và hình phạt và là công cụ quan trọng mà bất kỳ Nhà nước nào cũng phải sử dụng để đấu tranh phòng chống tội phạm.

Môn học trang bị cho người học kiến thức để xác định được một hành vi như thế nào là tội phạm và trách nhiệm hình sự đặt ra đối với những trường hợp vi phạm để từ đó biết điều chỉnh hành vi của mình cũng như góp phần vào cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Môn học Luật Hình sự bao gồm 2 phần sau:



Phần chung của Luật Hình sự là những quy định về khái niệm tội phạm và những vấn đề liên quan đến việc xác định tội phạm; khái niệm về hình phạt và những vấn đề liên quan đến xác định hình phạt. Các quy định của Phần Chung mang tính nguyên tắc ứng dụng chung cho việc giải quyết vụ án hình sự đối với tất cả các tội phạm, mang tính định hướng nguyên tắc xác định những vấn đề nội dung của vụ án.

Phần Các tội phạm trang bị cho sinh viên kiến thức về tội phạm cụ thể, gồm các bài học về các nhóm tội phạm như các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm sở hữu, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về chức vụ.

Luật Hình sự là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành Luật và Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ lý thuyết với tổng số là 45 tiết.

Môn học/Course Name: **Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế**

Mã môn học/Course Code: GLAW23110

Số tín chỉ/Credits: 03

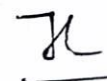
Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế giải quyết các vấn đề liên quan đến quy định chung của luật dân sự như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, vị trí của luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành, nguồn của luật dân sự, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu; các vấn đề liên quan đến tài sản, quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và thừa kế.

Môn học/Course Name: **Công pháp quốc tế**

Mã môn học/Course Code: GLAW33170

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Public International Law (International Law) is a compulsory core course within the Business Law advanced program at Ho Chi Minh City Open University. The course is allocated 03 theoretical credits and is designed to provide



students with a systematic and comprehensive understanding of international law. The syllabus covers the following major components: a) Introduction to International Law; b) Fundamental Principles of International Law; c) Sources of International Law; d) States in International Law; e) Populations in International Law; f) Territory and National Borders in International Law; g) Diplomatic and Consular Law; h) ASEAN Law.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về các loại hình thương nhân**

Mã môn học/Course Code: BULA33030

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: This course is a compulsory one of the Business law program. It is a 3-credit course.

The course content covers knowledge of the business organisations in Vietnam including: establishment of business organisations, capital contribution, legal characteristics, organisation structures, and re-structuring and dismissal of the business organisations:

- Sole proprietorship and House's hold business
- Partnership
- Shareholding company
- Limited liability company
- Cooperative.

Môn học/Course Name: **Lý luận và pháp luật về quyền con người**

Mã môn học/Course Code: GLAW22200

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Lý luận và pháp luật về quyền con người là một trong những môn học cốt lõi ngành bắt buộc của sinh viên chuyên Ngành Luật học.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản nhất về quyền con người; Pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia về quyền con người; Các cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người cũng như kiến thức về một số nhóm quyền con người cụ thể

Th

như: nhóm quyền dân sự và chính trị; nhóm quyền con người về kinh tế xã hội và văn hoá; quyền con người của các nhóm dễ bị tổn thương.

Môn học/Course Name: **Luật hành chính**

Mã môn học/Course Code: GLAW23070

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật Hành chính là môn học cốt lõi ngành, cung cấp kiến thức với mục đích giúp sinh viên cách nhận diện, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý hành chính nhà nước, nội dung gồm: (1) Tổng quan về Luật Hành chính; (2) Chủ thể của Luật Hành chính; (3) Các hình thức và phương pháp quản lý hành chính; (4) Các biện pháp bảo đảm pháp chế.

Môn học/Course Name: **Luật tổ tụng hành chính**

Mã môn học/Course Code: GLAW22030

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật tổ tụng hành chính cung cấp cho người học kiến thức lý luận, kiến thức pháp lý về quá trình giải quyết vụ án hành chính. Ngoài ra, môn học còn giúp người học rèn luyện kỹ năng áp dụng pháp luật tổ tụng hành chính và hình thành ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân cũng như đạo đức nghề nghiệp. Nội dung môn học bao gồm: các khái niệm cơ bản của khoa học Luật tổ tụng hành chính; nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng hành chính; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; trình tự, thủ tục khởi kiện, giải quyết vụ án hành chính, thi hành án hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tổ tụng hành chính.

Môn học/Course Name: **Luật ngân sách nhà nước**

Mã môn học/Course Code: GLAW22040

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật Ngân sách nhà nước là môn học cốt lõi ngành, cung cấp kiến thức với mục đích giúp sinh viên cách nhận diện, phân tích, lập luận,

KL

đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý ngân sách nhà nước, nội dung gồm: (1) Tổng quan về Luật Ngân sách nhà nước; (2) Chế độ pháp lý về quản lý ngân sách nhà nước; (3) Quy trình ngân sách nhà nước; (4) Quản lý và xử lý vi phạm ngân sách nhà nước.

Môn học/Course Name: **Luật đất đai**

Mã môn học/Course Code: GLAW23080

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Đất đai được xác lập nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về Đất đai, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo. Nội dung môn học bao gồm các vấn đề chủ yếu sau:

- Những vấn đề lý luận chung về Luật đất đai;
- Hoạt động quản lý nhà nước về đất đai;
- Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất;
- Cơ chế bảo đảm thi hành các quy định của Luật đất đai.

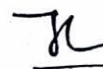
Môn học Luật đất đai là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật và Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ lý thuyết, với tổng số giờ là 45 giờ.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng soạn thảo văn bản**

Mã môn học/Course Code: GLAW23090

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; kiến thức và kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng cùng với một số loại đơn thường gặp trong thực tiễn cuộc sống, công tác.



Kỹ năng Soạn thảo văn bản là môn học bắt buộc trong Chương trình đào tạo Cử nhân Luật tại Khoa Luật, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 03 tín chỉ, bố trí thành 6 chương.

Môn học/Course Name: **Luật tố tụng hình sự**

Mã môn học/Course Code: GLAW22050

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Luật Tố tụng hình sự (TTHS) cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về TTHS và khả năng áp dụng trong thực tế. Môn học có hai nội dung cơ bản: Những vấn đề lí luận chung về TTHS và các giai đoạn trong việc giải quyết vụ án hình sự. Cụ thể, môn Luật TTHS nghiên cứu các vấn đề về khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS; các quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong TTHS; những quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Môn học/Course Name: **Tội phạm học**

Mã môn học/Course Code: GLAW22060

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Tội phạm học trang bị cho sinh viên những kiến thức về tình hình tội phạm, nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội, dự báo tình hình tội phạm để có phương pháp luận về đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, làm tiền đề lý luận để xây dựng chương trình, kế hoạch phòng chống tình hình tội phạm.

Môn học/Course Name: **Nghĩa vụ và hợp đồng**

Mã môn học/Course Code: GLAW23120

Số tín chỉ/Credits: 03

h

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Nghĩa vụ và hợp đồng là môn học thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành của ngành Luật và ngành Luật kinh tế. Môn Nghĩa vụ và hợp đồng được thiết kế gồm ba tín chỉ lý thuyết. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật cơ bản về: nghĩa vụ; hợp đồng; và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Sau khi học xong, người học có thể tự nghiên cứu quy định pháp luật luật; vận dụng những kiến thức pháp luật đã học để giải quyết các tình huống phát sinh thực tế trong đời sống. Đồng thời môn học này cũng gắn liền với thực tiễn, cho nên người học có thể sử dụng kiến thức đã học để học nâng cao và làm việc trong các doanh nghiệp, công ty luật, văn phòng luật và các cơ quan khác.

Môn học/Course Name: **Luật tố tụng dân sự**

Mã môn học/Course Code: GLAW23130

Số tín chỉ/Credits: 03

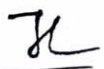
Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Luật Tố tụng dân sự là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật và ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học hướng tới nghiên cứu các nội dung sau đây:

- Tổng quan về Luật Tố tụng dân sự;
- Thẩm quyền dân sự của Tòa án;
- Chứng cứ và chứng minh;
- Biện pháp khẩn cấp tạm thời;
- Án phí và lệ phí trong tố tụng dân sự;
- Thủ tục giải quyết vụ án dân sự;
- Thủ tục giải quyết việc dân sự.

Môn học/Course Name: **Luật lao động**

Mã môn học/Course Code: GLAW23140

Số tín chỉ/Credits: 03



Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Luật Lao động là môn học bắt buộc trong khối kiến thức thuộc thành phần cốt lõi ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học hướng tới nghiên cứu quan hệ pháp luật về lao động và các quan hệ liên quan trực tiếp khác. Môn học cung cấp các kiến thức lý luận về Luật Lao động, Hợp đồng lao động, Thỏa ước LĐTT, Tiền lương, Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, Kỷ luật lao động – Trách nhiệm vật chất, các loại bảo hiểm trong quan hệ lao động và an toàn lao động & VSLĐ, các nội dung liên quan đến tranh chấp lao động, giải quyết tranh chấp lao động và đình công.

Môn học/Course Name: **Luật hôn nhân và gia đình**

Mã môn học/Course Code: GLAW22070

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Luật hôn nhân và gia đình được thiết kế gồm hai tín chỉ lý thuyết, là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành của ngành Luật kinh tế. Chương trình đào tạo tiên tiến của Trường Đại học Mở TPHCM. Môn học này gắn liền với thực tiễn, cung cấp các kiến thức tổng quát về cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, cụ thể như:

- + Quy định về kết hôn;
- + Quan hệ giữa vợ và chồng;
- + Quan hệ giữa cha, mẹ và con;
- + Nghĩa vụ cấp dưỡng của các thành viên trong gia đình;
- + Chấm dứt hôn nhân.

Sau khi học xong, nắm được các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình, người học có thể làm việc tại các văn phòng luật, công ty luật chuyên tư vấn hoặc tranh tụng các vụ, việc liên quan đến hôn nhân và gia đình.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về hoạt động thương mại**

Mã môn học/Course Code: BULA33040

Số tín chỉ/Credits: 03

7

Mô tả tóm tắt/Course description: Contents of legal knowledge on commercial activities include: Concept and characteristics of commercial activities and traders; Activities of domestic goods trading; Activities of International goods trading; Activities of goods exchange; Service activities such as logistics, inspection, transit, commercial intermediary activities, trade promotion and some other commercial activities; Sanctions in trade.

Law on commercial activities is a compulsory subject of the specialized knowledge of economic law major at the Open University of Ho Chi Minh City. The course has 3 theory credits (with 45 periods).

Môn học/Course Name: **Phá sản và giải quyết tranh chấp**

Mã môn học/Course Code: BULA32010

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: This course is a compulsory one of the Business law program. It is a 2-credit course.

The course content covers two topics:

- Alternative dispute settlement: Define commercial disputes and three forms of dispute resolution, including negotiation, mediation (conciliation), and arbitration.
- Bankruptcy: subjects and scope of application, insolvent enterprise and cooperatives, bankruptcy procedures.

Môn học/Course Name: **Luật sở hữu trí tuệ**

Mã môn học/Course Code: BULA23050

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Luật Sở hữu trí tuệ là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật và ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học cung cấp những kiến thức về đối tượng được bảo hộ bằng quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) (bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác

 H

giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng), điều kiện cần đáp ứng để được bảo hộ, chủ thể được bảo hộ, nội dung bảo hộ, việc chuyển giao quyền và các biện pháp bảo vệ quyền SHTT.

Môn học/Course Name: **Luật thuế**

Mã môn học/Course Code: BULA23060

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật thuế là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cốt lõi ngành của ngành Luật kinh tế tiên tiến tại Khoa Luật, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ lý thuyết.

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về thuế, biết và nhận diện đúng các khái niệm về đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, những trường hợp không chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn giảm,...trong từng sắc thuế như Thuế xuất khẩu, nhập khẩu; Thuế bảo vệ môi trường; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế giá trị gia tăng; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Lệ phí môn bài, phí và lệ phí. Ngoài ra, môn học này giúp sinh viên nhận biết những quy định của pháp luật về chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với tất cả các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế.

Sau khi học xong môn học này, sinh viên sẽ biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được trang bị để áp dụng các quy định của pháp luật thuế một cách đúng luật, có thể thực hiện các công việc thực tế như: thanh tra thuế, cán bộ hải quan, cán bộ thuế, tư vấn về kê khai, quản lý thuế, hoặc tự mình thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Môn học/Course Name: **Luật thương mại quốc tế**

Mã môn học/Course Code: BULA33070

Số tín chỉ/Credits: 03

72

Mô tả tóm tắt/Course description: International Commercial law adjusts commercial activities which relate to international business, including relations between countries concerned about commercial policies, relationships between traders in the international business relations and relationships between traders and countries in international investment activities, etc. The scope of adjustment and the subject of international commercial law are very diverse and complex. Therefore, the relations in international commerce are adjusted by multilateral international treaties (agreements of WTO, CPTPP, ASEAN...) and bilateral international treaties (VNEFTA, agreement between the United States of America and the socialist republic of Vietnam) for the purpose of adjusting the commerce as well as investment between Vietnam and the signing countries. Moreover, the relationships among traders are adjusted by the treaties as United Nations Convention On Contracts for The International Sale of Good, 1980 (CISG).

The subject consists of the following main contents:

Part 1: Laws adjust the commercial policies among the countries

Part 2: Laws adjust the international business relations among traders.

Môn học/Course Name: **Tư pháp quốc tế**

Mã môn học/Course Code: GLAW33180

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Private international law is a compulsory subject of the Business Law program. The course provides knowledge related to conflicts of law in civil, commercial relations and civil litigation with foreign elements; trains skills in analyzing legal situations in practice and identify the source of applicable law to solve the situation; form the capacity to work independently and in groups.

This course contains the following main topics:

- Civil, commercial relations with foreign elements
- Conflict of jurisdiction
- Conflict of laws

JK

- Recognition/enforcement of foreign judgments; Recognition/enforcement of foreign arbitral awards
- Conflict of laws in specific civil, commercial relations with foreign elements

Môn học/Course Name: **Luật môi trường**

Mã môn học/Course Code: GLAW22090

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Môi trường được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên có các kiến thức nền tảng về pháp luật môi trường Việt Nam và những vấn đề cơ bản về pháp luật quốc tế về môi trường. Kiến thức trang bị làm cơ sở cho việc nghiên cứu, ứng dụng các quy định của pháp luật môi trường vào thực tiễn cuộc sống, lao động, sản xuất, kinh doanh.

Môn học bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Pháp luật về đánh giá môi trường;
- Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường;
- Pháp luật về các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn di sản;
- Những kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế về môi trường; những quyền lợi và trách nhiệm của Việt Nam đối với thế giới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Luật Môi trường là môn học tự chọn trong thành phần cốt lõi ngành của chuyên ngành Luật và Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 02 tín chỉ lý thuyết với tổng số là 30 giờ.

Môn học/Course Name: **Luật thi hành án dân sự**

Mã môn học/Course Code: GLAW22130

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Luật thi hành án dân sự là môn học tự chọn trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học hướng tới nghiên cứu các vấn đề chung của pháp luật về thủ tục thi hành

7K

án dân sự; biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự; phí và chi phí thi hành án dân sự; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm về thi hành án dân sự.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về giao dịch bảo đảm**

Mã môn học/Course Code: GLAW22970

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Pháp luật về giao dịch bảo đảm là giao dịch được xác lập với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã quy định chín biện pháp bảo đảm nghĩa vụ (cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh, đặt cọc, ký cược, ký quỹ, tín chấp, bảo lưu quyền sở hữu, cầm giữ tài sản); quy định về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm.

Môn học Pháp luật về giao dịch bảo đảm bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- (i) Những quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;
- (ii) Các biện pháp bảo đảm đối vật
- (iii) Các biện pháp bảo đảm đối nhân
- (iv) Đăng ký biện pháp bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm

Pháp luật về giao dịch bảo đảm là môn học tự chọn trong khối kiến thức ngành Luật chuẩn, Luật Kinh tế chuẩn và Luật Kinh tế tiên tiến tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 2 tín chỉ, trong đó có 2 tín chỉ lý thuyết và 0 tín chỉ thực hành (với tổng số là 30 số giờ).

Môn học/Course Name: **Luật ngân hàng**

Mã môn học/Course Code: BULA22020

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Ngân hàng là môn học tự chọn trong khối kiến thức cốt lõi ngành. Những nội dung chính của môn học này bao gồm: (i) Những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng; (ii) địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước; (iii) địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng; (iv) pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối;

HL

(v) pháp luật về tín dụng và ngân hàng; (vi) pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán của các ngân hàng.

Môn học/Course Name: **Luật đầu tư**

Mã môn học/Course Code: BULA32040

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Investment Law plays a crucial role within the system of economic law by regulating both investment activities within the territory of Vietnam and outward investments from Vietnam to other countries. Alongside the Enterprise Law, it is one of the earliest enacted legal instruments in this field and has been continuously amended and supplemented to meet the evolving needs of the national economy.

The course covers the following topics: Overview of investment and investment law; Investment guarantees, incentives, and support measures; Business investment activities; Procedures for investment registration, investment policy decisions, and project implementation; Outward investment activities; Public investment and investment of State capital in enterprises.

Môn học/Course Name: **Luật cạnh tranh**

Mã môn học/Course Code: BULA22050

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật Cạnh tranh là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 2 tín chỉ lý thuyết, với nội dung bao gồm:

- Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh;
- Pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh;
- Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế;
- Pháp luật về kiểm soát hành vi cạnh tranh không lành mạnh;

HL

- Pháp luật về tố tụng cạnh tranh, xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh và quản lý nhà nước về cạnh tranh.

Môn học/Course Name: **Luật kinh doanh bảo hiểm**

Mã môn học/Course Code: BULA22060

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động thương mại của các thương nhân, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động kinh doanh bảo hiểm ngày càng phát triển, góp phần chia sẻ những rủi ro của cá nhân, tổ chức trong giao lưu dân sự. Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm ra đời tạo khung pháp lý cho hoạt động thương mại đặc thù này, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, người mua bảo hiểm và của các chủ thể khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Học phần Pháp luật Kinh doanh bảo hiểm sẽ cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về những nội dung:

(i) Những quy định chung pháp luật về kinh doanh bảo hiểm: chủ thể trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, điều kiện kinh doanh bảo hiểm, nguyên tắc hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phương thức giải quyết tranh chấp trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm...;

(ii) Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm con người;

(iii) Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tài sản;

(iv) Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự;

(v) Quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm là môn học tự chọn (không bắt buộc) trong khối kiến thức chuyên ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 2 tín chỉ.

Môn học/Course Name: **Luật kinh doanh bất động sản**

Mã môn học/Course Code: BULA22070

Số tín chỉ/Credits: 02

78

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật Kinh doanh bất động sản là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh nhằm nghiên cứu chuyên sâu về thị trường kinh doanh bất động sản và pháp luật điều chỉnh thị trường kinh doanh bất động sản. Môn học được thiết kế gồm 02 tín chỉ lý thuyết, với 70 giờ tự học,

Môn học này cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về thị trường kinh doanh bất động sản nói chung và ở Việt Nam nói riêng; những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức trọng tâm về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về xuất nhập khẩu**

Mã môn học/Course Code: BULA22090

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Pháp luật xuất nhập khẩu được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm đào tạo sinh viên phương pháp tiếp cận nhằm nhận diện, xử lý thông tin về các quy định pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Từ đó, sinh viên có thể phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề, và ra quyết định đúng đắn và hiệu quả với những tình huống nghiên cứu hoặc thực tế phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước và hành vi thương mại có yếu tố nước ngoài của thương nhân Việt Nam. Trên cơ sở này, sinh viên có thái độ tích cực với quá trình hội nhập quốc tế.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán**

Mã môn học/Course Code: BULA22080

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán là môn học tự chọn trong khối kiến thức cốt lõi ngành. Môn học này bao gồm các nội dung cơ bản sau: (i) Những vấn đề cơ bản của pháp luật về chứng khoán và

h

thị trường chứng khoán; (ii) Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào thị trường chứng khoán; (iii) Pháp luật về chào bán chứng khoán; (iv) Pháp luật về hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán và (v) Quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Môn học/Course Name: **Luật thương mại điện tử**

Mã môn học/Course Code: BULA22100

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Khái quát về pháp luật thương mại điện tử, hợp đồng thương mại điện tử, pháp luật điều chỉnh của website thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.

Luật Thương mại điện tử là môn học chuyên ngành trong khối kiến thức ngành Luật Kinh tế tiên tiến tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 2 tín chỉ lý thuyết (với tổng số là 30 tiết).

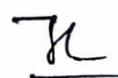
Môn học/Course Name: **Luật học so sánh**

Mã môn học/Course Code: GLAW22960

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật học so sánh được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên nhận biết được các hiện tượng pháp luật, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề, xây dựng cơ sở phương pháp luận để nghiên cứu những quy luật xâm nhập pháp luật nước ngoài vào pháp luật quốc gia và tiếp thu giá trị pháp lý, những quy tắc pháp luật giữa các hệ thống pháp luật thế giới. Trên cơ sở này, sinh viên có thể đưa ra các dự báo pháp luật, định hướng và hoàn thiện hơn trong lập pháp; áp dụng xây dựng pháp luật quốc gia trong từng trường hợp, từng giai đoạn phát triển của xã hội; hoàn thiện pháp luật quốc gia trong các lĩnh vực pháp luật; nâng cao nhận thức xã hội trong việc tuân thủ pháp luật (trong quan hệ trong nước và trong quan hệ quốc tế).

- Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau:



- Tổng quan về Luật học so sánh
- Các hệ thống pháp luật chủ yếu trên thế giới.
- Hệ thống pháp luật Dân luật (civil law).
- Hệ thống pháp luật Thông luật (Common law).
- Hệ thống pháp luật XHCN.
- Hệ thống pháp luật tôn giáo (hồi giáo).

Môn học này được thiết kế 30 giờ lý thuyết (2 tín chỉ), thông thường được bố trí vào năm học thứ tư dành cho ngành Luật tại trường Đại học Mở TPHCM.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng soạn thảo hợp đồng**

Mã môn học/Course Code: GLAW32160

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Contract Drafting Skills presents the concept of contract, forms of contract, some common types of civil and commercial contracts in the society. Depending on the different types of contracts, the name of each contract, the rights and obligations of the parties in the contract, the principal terms of the contract and certain skills of drafting a particular contract will be introduced.

Môn học/Course Name: **Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh**

Mã môn học/Course Code: BULA32110

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: In the advanced Bachelor of Economic Law program (Ho Chi Minh City Open University), the English Legal Terms course is an elective. The English Legal Terms course provides learners with fundamental, common, and important English legal terms from the 9 pillar branches of law within the legal system of the Socialist Republic of Vietnam. Specifically, learners will acquire English legal terms in (i) Constitutional Law, (ii) Administrative Law, (iii) Civil Law, Marriage & Family Law, (iv) Criminal Law, (v) Criminal Procedure Law, (vi) Commercial Law, Competition Law, (vii) Land - Environment Law, (viii) Intellectual Property Law, and (ix) International Law.

7

Learners will have the opportunity to acquire English legal terms in each branch of law through the four language skills: Listening, Speaking, Reading, and Writing. In addition, the connotation of each English legal term will be clearly presented and explained; practical situations for applying these English legal terms will also be provided so that learners can comprehend and use them accurately, profoundly, and effectively.

After completing this course, learners will have a solid knowledge of English legal terms from the pillar branches of law in the Vietnamese legal system. Learners will be fully capable of using common English legal terms in each branch of law accurately and confidently in contract drafting and professional legal environments. Learners will also be able to self-study and research more in-depth knowledge of English legal terms in particular and legal English in general. Furthermore, learners will be able to think systematically, critically, and organize work in the field of legal English

Môn học/Course Name: **Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế**

Mã môn học/Course Code: BULA26010

Số tín chỉ/Credits: 06

Mô tả tóm tắt/Course description: Khóa luận tốt nghiệp là môn học tổ chức vào học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương và những kiến thức chuyên sâu về ngành, chuyên ngành và các kiến thức bổ trợ khác. Việc thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nhằm mục đích giúp sinh viên phát triển ý tưởng nghiên cứu, kỹ năng nghiên cứu những vấn đề lý luận, quy định pháp luật và thực tiễn đặt ra đối với những vấn đề đó.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế**

Mã môn học/Course Code: BULA23080

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Kỹ năng tư vấn pháp luật giúp sinh viên vận dụng kiến thức cốt lõi ngành luật Kinh tế để phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Thông qua các bài tập tình huống và thực hành tư vấn, sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, lập luận, trình bày quan điểm, soạn thảo văn bản

KL

pháp lý và đưa ra giải pháp phù hợp. Môn học trang bị năng lực nhận diện, phát hiện và xử lý vấn đề pháp lý, đồng thời phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, sáng tạo và thích ứng với môi trường nghề luật. Bên cạnh đó, sinh viên còn được bồi dưỡng phẩm chất nghề nghiệp quan trọng như trung thực, liêm chính, cẩn trọng và đạo đức nghề luật. Môn học góp phần hình thành năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ chuẩn mực cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động pháp lý hiện nay.

Môn học/Course Name: **Phân tích án ngành Luật Kinh tế**

Mã môn học/Course Code: BULA23110

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Phân tích án cung cấp cho người học các kiến thức về các phán quyết của Tòa án, cụ thể thông qua môn học người học có thể hiểu cấu trúc một bản án, xác định được vấn đề và áp dụng phương pháp để phân tích bản án.

Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau:

- i. Khái quát chung
- ii. Nguyên tắc và phương pháp phân tích án

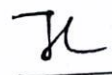
Môn học này được thiết kế 45 giờ lý thuyết (3 tín chỉ) dành cho sinh viên ngành Luật Kinh tế chương trình chuẩn và chương trình tiên tiến, ngành Luật.

Môn học/Course Name: **Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế**

Mã môn học/Course Code: BULA23120

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế là môn học bắt buộc được thiết kế gồm 3 tín chỉ thực hành, trong khối kiến thức thực tập/trải nghiệm của ngành Luật Kinh tế tiên tiến, áp dụng cho sinh viên học năm thứ ba trở đi. Sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản, kiến thức ngành, chuyên ngành. Giảng viên tư vấn lựa chọn cơ quan, đơn vị phù hợp theo định hướng nghề nghiệp của sinh viên để thực hành nghề nghiệp, tìm hiểu môi trường làm việc thực tiễn và ứng dụng các



kiến thức đã học vào công việc thực tế tại cơ quan, đơn vị thực hành. Từ đó, giúp người học tiếp cận thực tiễn, thực hành một số kỹ năng trong công việc pháp lý bằng các kiến thức đã học.

Môn học/Course Name: **Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế**

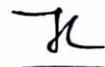
Mã môn học/Course Code: BULA24010

Số tín chỉ/Credits: 04

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực tập là môn học của học kỳ cuối cùng sau khi sinh viên đã được trang bị kiến thức cơ bản, kiến thức bộ môn, kiến thức chính và kiến thức bổ sung khác.

Môn học giúp sinh viên tiếp cận kiến thức thực tiễn, giúp sinh viên nâng cao năng lực giải quyết các tình huống pháp luật.

Khóa học có 12 tuần thực tập tại các doanh nghiệp, tổ chức chuyên nghiệp. Bao gồm 4 tín chỉ thực hành (120 tiết).



V. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra

Học kỳ Semester	TT/ No.	Môn học/ Course	Mã môn học/ Code	Số tín chỉ	Chủ đề CDR CTĐT phân bổ cho môn học - ngành Luật kinh tế/PLOs										
					PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1		Môn học bắt buộc													
	1	Tiếng Anh nâng cao 1	GEEN23060	3								5		5	
	2	Tiếng Anh nâng cao 2	GEEN23070	3								5		5	
	3	Triết học Mác - Lênin	POLI23010	3		5					4			4	
	4	Lý luận nhà nước và pháp luật	GLAW23020	3			5			5					5
	5	Lý luận và pháp luật về quyền con người	GLAW22200					4		4					4
	6	Luật Hiến pháp	GLAW23050	3			5			4					4
2		Môn học bắt buộc													
	1	Tiếng Anh nâng cao 3	GEEN23080	3								5		5	
	2	Tiếng Anh nâng cao 4	GEEN23090	3								5		5	
	3	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị-pháp lý	GLAW23250				4			4					4
	4	Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế	GLAW23110	3			5				4			4	
	5	Luật Hành chính	GLAW23070	3				5		5				5	
3		Môn học bắt buộc													
	1	Tiếng Anh nâng cao 5	GEEN23100	3								5		5	
	2	Tiếng Anh nâng cao 6	GEEN23110	3								5		5	
	3	Nghĩa vụ và hợp đồng	GLAW23120	3				5		5				5	

Học kỳ Semester	TT/ No.	Môn học/ Course	Mã môn học/ Code	Số tín chỉ	Chủ đề CĐR CTĐT phân bổ cho môn học - ngành Luật kinh tế/PLOs										
					PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
	4	Luật Đất đai	GLAW23080	3				5			4			4	
		Môn học tự chọn													
	5	<u>Môn tự chọn kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên:</u> Tư duy phân biện	GLAW23010	3	3						4		4	4	
4		Môn học bắt buộc													
	1	Tiếng Anh nâng cao 7	GEEN23120	3								5		5	5
	2	Tiếng Anh nâng cao 8	GEEN23130	3								5		5	5
	3	Luật Hôn nhân và gia đình	GLAW22070	2				4		4				4	
	4	Pháp luật về các loại hình thương nhân (tiếng Anh)	BULA33030	3			5			5				4	
	5	Luật Tổ tụng hành chính	GLAW22030	2				4			4			4	
		Môn học tự chọn													
5	6	<u>Môn tự chọn thành phần cốt lõi ngành (các môn kỹ năng):</u> Lựa chọn trong nhóm tự chọn kỹ năng		2					4		5			4	
		Môn học bắt buộc													
	1	Tiếng Anh nâng cao 9	GEEN23140	3								5		5	
	2	Tiếng Anh nâng cao 10	GEEN23150	3								5		5	
	3	Pháp luật về hoạt động thương mại (tiếng Anh)	BULA33040	3				5		5				5	
	4	Luật Hình sự	GLAW23100	3			4			4					4
	5	Luật Lao động	GLAW23140	3				5			4				4
6		Môn học bắt buộc													

K

Học kỳ Semester	TT/ No.	Môn học/ Course	Mã môn học/ Code	Số tín chỉ	Chủ đề CDR CTĐT phân bổ cho môn học - ngành Luật kinh tế/PLOs										
					PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
	1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI22010	2		5					4			4	
	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI22020	2		4					4			4	
	3	Lập luận và viết pháp lý	GLAW23040	3			4				4		5		4
	4	Luật Thuế	BULA23060	3				4			4				4
	5	Nghề luật và đạo đức nghề luật	GLAW22190	3			4			4					5
	6	Luật Tổ tụng hình sự	GLAW22050	2				4			5				4
7		Môn học bắt buộc													
	1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI22030	2		5					4			4	
	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI22040	2		5					4			4	
	3	Tội phạm học	GLAW22060	2				4			4				4
	4	Luật Sở hữu trí tuệ	BULA23050	3				5		4					4
	5	Luật Tổ tụng dân sự	GLAW23130	3				5			4				4
	6	Công pháp quốc tế (tiếng Anh)	GLAW33170	3			5			4					4
8		Môn học bắt buộc													
	1	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA23120	3							5		5	5	
	2	Kỹ năng soạn thảo văn bản	GLAW23090	3				4		4				4	
	3	Luật Ngân sách nhà nước	GLAW22040	2				4		4				4	
	4	Tư pháp quốc tế (tiếng Anh)	GLAW33180	3				5			4			4	
9		Môn học bắt buộc													

Học kỳ Semester	TT/ No.	Môn học/ Course	Mã môn học/ Code	Số tín chỉ	Chủ đề CDR CTĐT phân bổ cho môn học - ngành Luật kinh tế/PLOs										
					PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
	1	Kinh tế học đại cương	ECON23320	3	5						4			4	
	2	Tin học văn phòng nâng cao	ADOI23010	3	4								5	4	
	3	Phá sản và giải quyết tranh chấp (tiếng Anh)	BULA32010	2				4			4			4	
	4	Luật thương mại quốc tế (tiếng Anh)	BULA33070	3				5			5			5	
	5	Môn học tự chọn													
	6	<u>Môn tự chọn thành phần cốt lõi ngành (nhóm kiến thức cốt lõi ngành) 1:</u> Luật Đầu tư (tiếng Anh)	BULA32040	2					5		4			4	
	7	<u>Môn tự chọn thành phần cốt lõi ngành (nhóm kiến thức cốt lõi ngành) 2:</u> Lựa chọn trong nhóm môn tự chọn kiến thức cốt lõi ngành		2					5		4			4	
10		Môn học bắt buộc													
	1	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA24010	4					5		5		5	5	5
		Môn học tự chọn													
	2	<u>Môn tự chọn thành phần cốt lõi ngành (nhóm kiến thức cốt lõi ngành) 3:</u> Lựa chọn trong nhóm môn tự chọn kiến thức cốt lõi ngành		2					5		4			4	
11	1	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA26010	6					5	5	5		5	5	5
		Hoặc 02 môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp như sau:													
		1.1. Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế	BULA23080	3						5	5		5	5	5
		1.2. Phân tích án ngành Luật Kinh tế	BULA23110	3					5	5	5		5	5	

Học kỳ Semester	TT/ No.	Môn học/ Course	Mã môn học/ Code	Số tín chỉ	Chủ đề CDR CTĐT phân bổ cho môn học - ngành Luật kinh tế/PLOs										
					PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
		Môn học tự chọn													
	2	<u>Môn tự chọn thành phần cốt lõi ngành</u> <u>(nhóm kiến thức cốt lõi ngành) 4:</u> Lựa chọn trong nhóm môn tự chọn kiến thức cốt lõi ngành		2					5		4			4	
	3	<u>Môn tự chọn kiến thức kinh tế, khoa học xã</u> <u>hội và nhân văn:</u> Lựa chọn trong nhóm môn tự chọn kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn		3	5						4			4	

* Ghi chú: Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra thể hiện mức độ đáp ứng của các chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Chỉ đánh số từ mức 3 (đáp ứng trung bình) trở lên) và đảm bảo tất cả các chuẩn đầu ra đều có môn học đáp ứng mức 5).

1: Không đáp ứng
2: Ít đáp ứng
3: Đáp ứng trung bình

4: Đáp ứng nhiều
5: Đáp ứng rất nhiều

JK